TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27 – 01 – 2022
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bạch Phiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Vinh;

2. Bà Võ Thị Tuyết Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2021 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1971.

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã D, huyện E, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Ấp F, xã G, huyện H, tỉnh An Giang. Vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện E, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt lần thứ hai, không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc A trình bày:*

Chị Nguyễn Ngọc A và anh Nguyễn Ngọc B tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán địa phương vào năm 1993 (không nhớ ngày tháng nào), có đăng ký kết

hôn ngày 11/7/2008, tại Ủy ban nhân dân thị trấn E. Trước khi kết hôn, anh chị không có quen biết, tìm hiểu trước, mà thông qua mai mối anh chị mới kết hôn. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn.

Thời gian đầu sau khi đám cưới, chị A và anh B chung sống với nhau cũng có xảy ra mâu thuẫn, nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn hạnh phúc. Đến năm 2010, chị A và anh B xảy ra nhiều mâu thuẫn, lý do anh B thường ghen tuông vô cớ, thường xuyên nhậu và tham gia tệ nạn xã hội (cờ bạc), nên chị A và anh B thường xuyên cự cãi, có khi nhậu về anh B kiếm chuyện chửi bới và hành hung chị, làm chị sống chung với anh B nhưng lúc nào cũng lo sợ. Chị A đã khuyên ngăn anh B nhiều lần, nhưng không được. Từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt. Từ tháng 9 năm 2020, chị A bỏ về nhà cha mẹ ruột của chị A tại số nhà 27, ấp F, xã G, huyện H, tỉnh An Giang sống và ly thân với anh B cho đến nay. Từ lúc ly thân cho đến nay, anh B có hàn gắn với chị vài lần, nhưng chị A nhận thấy tính tình anh B không thay đổi, nên không đồng ý hàn gắn. Hiện nay, chị A không còn tình cảm với anh B, không muốn hàn gắn để đoàn tụ.

Chị Nguyễn Ngọc A và anh Nguyễn Ngọc B có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 25/8/1994 và Nguyễn Ngọc Nhật J, sinh ngày 30/5/2008. Từ lúc vợ chồng chị ly thân cho đến nay, cháu Nguyễn Ngọc Nhật J sống với chị tại số nhà 27, ấp F, xã G, huyện H, tỉnh An Giang; cháu Nguyễn Ngọc K đã thành niên, có khả năng tự lao động được, sống với anh B.

Chị Nguyễn Ngọc A yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc A yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Ngọc B.

- Về con chung: Chị Nguyễn Ngọc A yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Nhật J, sinh ngày 30/5/2008 đến khi cháu J thành niên. Chị Nguyễn Ngọc A không yêu cầu anh Nguyễn Ngọc B cấp dưỡng nuôi con. Đối với Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1994 đã thành niên và có khả năng lao động, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Ngọc B không có ý kiến trình bày.*

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cần phê phán rút kinh nghiệm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc A: Cho chị Nguyễn Ngọc A được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc B; Giao cháu Nguyễn Ngọc Nhật J, sinh ngày 30/5/2008 cho chị Nguyễn Ngọc A được quyền nuôi dưỡng đến khi cháu J thành niên. Anh Nguyễn Ngọc B không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị A không yêu cầu. Đối với Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1994 đã

thành niên và có khả năng lao động, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét, giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Đơn khởi kiện ngày 26/5/2021 của chị Nguyễn Ngọc A (bản chính).

- Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của chị Nguyễn Ngọc A (bản sao có chứng thực).

- Giấy chứng nhận kết hôn giữa anh Nguyễn Ngọc B và chị Nguyễn Ngọc A (bản chính).

- Giấy khai sinh của cháu Nguyễn Ngọc Nhật J (bản sao).

- Đơn xin xác nhận nơi cư trú của người bị kiện (bản chính).

- Bản khai của Nguyễn Ngọc Nhật J (bản chính).

- Đơn yêu cầu Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ngày 03/12/2021 của chị Nguyễn Ngọc A (bản chính).

- Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 03/11/2021 (bản chính).

- Biên bản xác minh ngày 20/12/2021 (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc A và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Ngọc B cư trú tại ấp C, xã D, huyện E, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Ngọc A vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt, anh Nguyễn Ngọc B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không rõ lý do; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Ngọc A và anh Nguyễn Ngọc B là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc A và anh Nguyễn Ngọc B đăng ký kết hôn ngày 11/7/2008, tại Ủy ban nhân dân thị trấn E, huyện E, tỉnh Đồng Tháp. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn. Việc kết hôn giữa chị Nguyễn Ngọc A và anh Nguyễn Ngọc B là đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Ngọc A xác định: Từ năm 2010, chị A và anh B xảy ra nhiều mâu thuẫn, lý do anh B thường ghen tuông vô cớ, thường xuyên nhậu và tham gia tệ nạn xã hội (cờ bạc), nên chị A và anh B thường xuyên cự cãi, có khi nhậu về anh B kiếm chuyện chửi bới và hành hung chị, làm chị sống chung với anh B nhưng lúc nào cũng lo sợ. Chị A đã khuyên ngăn anh B nhiều lần, nhưng không được. Từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, chị A không còn tình cảm vợ chồng với anh B. Từ tháng 9 năm 2020, chị A và anh B đã sống ly thân cho đến nay. Từ lúc ly thân cho đến nay, anh B có hàn gắn với chị vài lần, nhưng do chị A nhận thấy tính tình anh B không thay đổi, nên không đồng ý hàn gắn. Hiện nay, chị A không còn tình cảm với anh B, không muốn hàn gắn để đoàn tụ. Điều này chứng minh, hôn nhân giữa chị Nguyễn Ngọc A và anh Nguyễn Ngọc B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Ngọc A đối với anh Nguyễn Ngọc B là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Xét thấy, từ lúc chị Nguyễn Ngọc A và Anh Nguyễn Ngọc B ly thân cho đến nay, cháu Nguyễn Ngọc Nhật J, sinh ngày 30/5/2008 sống với chị A. Cháu J có nguyện vọng được sống với chị A. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, anh B không yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu J. Vì vậy, để tránh việc thay đổi môi trường sống của cháu, đảm bảo cho cháu được phát triển đầy đủ về mặt thể chất và tinh thần. Nên cần tiếp tục giao cháu J cho chị A được quyền nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên. Đối với Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1994 đã thành niên và có khả năng lao động, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con:

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Ngọc A không yêu cầu anh Nguyễn Ngọc B cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Ngọc A xác định chị và anh B tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng không có ý kiến của anh B, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này; nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí:

Chị Nguyễn Ngọc A phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc A.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc A được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc B.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Nhật J, sinh ngày 30/5/2008 cho chị Nguyễn Ngọc A được quyền nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên.

Anh Nguyễn Ngọc B không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị Nguyễn Ngọc A không yêu cầu.

Chị Nguyễn Ngọc A và anh Nguyễn Ngọc B có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh Nguyễn Ngọc B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Đối với Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1994 đã thành niên và có khả năng lao động, nên không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí:

Chị Nguyễn Ngọc A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BI/2019/0016635 ngày 05/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Chị Nguyễn Ngọc A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Ngọc B không phải chịu án phí.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- UBND thị trấn E;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bạch Phiến